ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ

DANH SÁCH THU HỌC PHÍ HỌC KỲ 2/2024-2025

CÁC CTĐT BẬC ĐẠI HỌC

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Tổng HP phải nộp	Chưa nộp tính đến 23/6	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5			
1	19020085	Vũ Đức Thành	6.368.000					6.368.000	6.368.000	Nợ K1/23-24
2	19020163	Vi Tiến Đạt	0		6.750.000			6.750.000	6.750.000	
3	19020174	Lê Văn Sơn	0		11.250.000			11.250.000	11.250.000	
4	19020225	Ngô Tiến Bình	8.358.000					8.358.000	8.358.000	Nợ năm học 23-24
5	19020299	Phạm Ngọc Hoàng	7.960.000					7.960.000	7.960.000	Nợ năm học 23-24
6	19020302	Trần ích Hoàng	0		4.500.000			4.500.000	4.500.000	
7	19020313	Trần Văn Hùng	16.696.000					16.696.000	16.696.000	Nợ K1/22-23 và K1/23-24
8	19020361	Nguyễn Hữu Mạnh	1.162.000					1.162.000	1.162.000	Nợ K2/22-23
9	19020396	Nguyễn Văn Phương	945.000					945.000	945.000	Kỳ hè 22-23
10	19020398	Bùi Quang Quân	8.460.000					8.460.000	8.460.000	Nợ K1/22-23
11	19020399	Phan Anh Quân	1.343.000		2.250.000			3.593.000	3.593.000	Kỳ hè 22-23 và K1/23-24
12	19020478	Bùi Duy Tuấn	2.786.000					2.786.000	2.786.000	Nợ K2/23-24
13	19020494	Trần Nam Anh	5.355.000					5.355.000	5.355.000	Nợ K1/22-23
14	19020513	Nguyễn Văn Đại	0		4.500.000			4.500.000	4.500.000	
15	19020541	Nguyễn Hoàng Hiệp	4.500.000					4.500.000	4.500.000	Nợ K1/24-25
16	19020561	Nguyễn Văn Khá	7.666.000					7.666.000	7.666.000	Nợ K2/23-24
17	19020586	Nguyễn Tiến Nghĩa	6.766.000					6.766.000	6.766.000	Nợ K1/23-24
18	19020868	Mai Đăng Trường	3.150.000					3.150.000	3.150.000	Nợ K1/24-25
19	19020928	Trần Duy Hưng	5.572.000					5.572.000	5.572.000	Nợ K2/23-24
20	19020989	Vũ Xuân Trường	2.810.000					2.810.000	2.810.000	Nợ K1/22-23
21	19021070	Nguyễn TrungKiên	16.097.640					16.097.640	16.097.640	Nợ K2/22-23
22	19021164	Nguyễn Mạnh Hùng	5.670.000					5.670.000	5.670.000	Nợ K1/22-23

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Tổng HP phải nộp	Chưa nộp tính đến 23/6	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5			
23	19021250	Phạm Quý Dương	2.400.000					2.400.000	2.400.000	Nợ kỳ hè 23-24
24	19021291	Dương Việt Hùng	25.500.000					25.500.000	25.500.000	Nợ K2/22-23
25	19021302	Hồ Quang Huy	8.000.000					8.000.000	8.000.000	Nợ K1/24-25
26	19021373	Phí Trần Toàn	3.200.000					3.200.000	3.200.000	Nợ kỳ hè 23-24
27	19021406	Trần Tuấn Anh	16.000.000					16.000.000	16.000.000	Nợ K1/24-25
28	19021551	Nguyễn Đức Hải	6.300.000					6.300.000	6.300.000	Nợ K1/24-25
29	19021629	Đỗ Minh Tiến	3.582.000					3.582.000	3.582.000	Nợ K2/23-24
30	20020006	Đào Quang Thái Dương	1.194.000					1.194.000	1.194.000	Nợ kỳ hè 23-24
31	20020017	Phạm Xuân Huy	852.000					852.000	852.000	Nợ K1/24-25
32	20020062	Trần Quý Nhất	1.642.000					1.642.000	1.642.000	Nợ K2/22-23
33	20020075	Dương Đình Ngọc Bách	0		13.600.000			13.600.000	13.600.000	
34	20020120	Nguyễn Trí Minh Tuấn	0		11.700.000			11.700.000	11.700.000	
35	20020452	Phạm Gia Nghĩa	8.358.000					8.358.000	8.358.000	Nợ K2/23-24
36	20020508	Tẩn Minh Xuân	1.890.000					1.890.000	1.890.000	Nợ K1/22-23
37	20020534	Lê Duy Khánh	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000	
38	20020563	Nguyễn Bá Trung	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000	
39	20020650	Nguyễn Đình Đức	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000	
40	20020703	Chu Thanh Quang	1.800.000					1.800.000	1.800.000	Nợ HP theo QĐ 2936
41	20020781	Vũ Minh Đức	6.766.000					6.766.000	6.766.000	Nợ K2/23-24
42	20020805	Ngô Văn Khải	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000	
43	20020829	Nguyễn Năng Phúc	7.562.000					7.562.000	7.562.000	Nợ K1/23-24
44	20020879	Phan Văn Dũng	796.000					796.000	796.000	Nợ K2/23-24
45	20020928	Bùi Đình Sự	796.000					796.000	796.000	Nợ K2/23-24
46	20020965	Nguyễn Xuân Cung	5.850.000					5.850.000	5.850.000	Nợ K1/24-25
47	20020972	Nguyễn Văn Dũng	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000	
48	20020976	Vũ Xuân Dương	2.225.000					2.225.000	2.225.000	Nợ K1/22-23
49	20020999	Nguyễn Phương Huế	0		2.250.000			2.250.000	2.250.000	
50	20021023	Võ Phương Nam	0		5.850.000		3.600.000	9.450.000	9.450.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Tổng HP phải nộp	Chưa nộp tính đến 23/6	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5			
51	20021054	Nguyễn Trọng Thái	0		2.700.000			2.700.000	2.700.000	
52	20021063	Lê Văn Thưởng	0		6.750.000			6.750.000	6.750.000	
53	20021066	Cao Cự Toàn	10.638.000		11.700.000			22.338.000	22.338.000	Nợ K1/24-25
54	20021125	Vũ Văn Hiệp	0		12.800.000			12.800.000	12.800.000	
55	20021152	Đào Nguyễn Hải Linh	17.500.000					17.500.000	17.500.000	Nợ K2/23-24
56	20021174	Bùi Tá Phong	0		8.000.000			8.000.000	3.000.000	
57	20021225	Phạm Khả Chiến	4.776.000					4.776.000	4.776.000	Nợ K1/22-23
58	20021226	Nguyễn Đức Duy	6.300.000					6.300.000	6.300.000	Nợ K1/23-24
59	20021250	Diệp Sơn Nam	4.776.000		5.400.000			10.176.000	10.176.000	Nợ K2/23-24
60	20021279	Nguyễn Xuân Vũ	0		2.250.000			2.250.000	2.250.000	
61	20021292	Nguyễn Tuấn Anh	2.400.000					2.400.000	2.400.000	Nợ 1 phần K2/23-24
62	20021296	Trần Đức Anh	0				2.400.000	2.400.000	2.400.000	
63	20021335	Đặng Minh Đức	0		8.000.000			8.000.000	8.000.000	
64	20021555	Nguyễn Như Minh	8.000.000					8.000.000	8.000.000	Nợ K1/24-25
65	21020281	Trần Tuấn Anh	0		1.350.000			1.350.000	1.350.000	
66	21020300	Nguyễn Trường Đạt	0		10.800.000			10.800.000	10.800.000	
67	21020316	Nguyễn Thị Hiền	0				1.350.000	1.350.000	1.350.000	
68	21020443	Trần Đức Hưng	0		2.700.000			2.700.000	2.700.000	
69	21020488	Phạm Vũ Hải	0		8.100.000			8.100.000	8.100.000	
70	21020801	Hà Đức Anh	0		10.800.000		0	10.800.000	10.800.000	
71	21020810	Nguyễn Đức Duy	2.000.000		10.350.000			12.350.000	3.000.000	Nợ 1 phần K1/24-25
72	21020831	Đậu Mạnh Kiên	0		8.550.000		0	8.550.000	8.550.000	
73	21020854	Vũ Văn Toàn	8.756.000		6.300.000			15.056.000	8.756.000	Nợ kỳ 2/23-24
74	21020943	Nguyễn Thị Thúy	0		9.900.000			9.900.000	9.900.000	
75	21021103	Trần Thành Long	0		5.400.000			5.400.000	5.400.000	
76	21021229	Nguyễn Duy Minh Quân	6.698.000					6.698.000	6.698.000	Nợ K1/24-25
77	21021241	Vũ Huy Thịnh	0		11.700.000		3.150.000	14.850.000	3.150.000	
78	21021250	Phạm Thanh Việt	0		6.750.000			6.750.000	6.750.000	
79	21021383	Nguyễn Việt Tú	1.600.000		19.900.000			21.500.000	4.000.000	Nợ 1 phần K1/24-25
80	21021447	Trần Anh Tú	0		7.650.000			7.650.000	7.650.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Tổng HP phải nộp	Chưa nộp tính đến 23/6	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5			
81	21021468	Nguyễn Khánh Duy	0		27.100.000			27.100.000	27.100.000	
82	21021486	Vũ Trường Giang	0		19.900.000			19.900.000	2.400.000	
83	21021626	Nguyễn Minh Phúc	0		28.700.000			28.700.000	4.800.000	Nộp 1 phần
84	21021664	Lục Thành Lương	0		11.250.000			11.250.000	11.250.000	
85	22020103	Vũ Việt Hùng	1.780.000		12.240.000			14.020.000	9.520.000	Nợ 1 phần K1/24-25
86	22020111	Nguyễn Anh Kiệt	0		13.515.000			13.515.000	13.515.000	
87	22021120	Nguyễn Văn Quang	6.120.000		9.945.000			16.065.000	16.065.000	GDQP
88	22022129	Vương Hoàng Quý	0		10.710.000			10.710.000	10.710.000	
89	22022524	Phùng Đình Thuận	0		10.710.000	-765.000		9.945.000	9.945.000	
90	22022595	Nguyễn Văn Hải	0		2.295.000	-765.000		1.530.000	1.530.000	
91	22023130	Tăng Hoàng Tuấn	19.125.000					19.125.000	19.125.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
92	22023149	Lương Thế Hoạt	24.585.000		2.295.000			26.880.000	26.880.000	Nợ K1/24-25 và GDQP
93	22023182	Nguyễn Tuấn Dương	19.525.000		13.005.000			32.530.000	5.530.000	Nợ K1/24-25
94	22023183	Lê Trường Giang	6.120.000		17.595.000			23.715.000	23.715.000	GDQP
95	22023516	Nguyễn Thế Minh Tuấn	6.145.000		16.065.000			22.210.000	22.210.000	Nợ K1/24-25
96	22025123	Bùi Tuấn Anh	5.072.000		12.680.000			17.752.000	5.752.000	GDQP
97	22025132	Ngô Huy Hoàng	0		10.778.000			10.778.000	6.000.000	
98	22025153	Phạm Quang Anh	0		10.144.000			10.144.000	10.144.000	
99	22025189	Vương Trung Kiên	0		11.412.000			11.412.000	11.412.000	
100	22028012	Đỗ Trung Kiên	0		17.500.000			17.500.000	17.500.000	
101	22028015	Cao Đức Chung	0		19.100.000			19.100.000	1.600.000	
102	23020179	Đỗ Hải Anh	11.659.900		16.000.000			27.659.900	27.659.900	Nợ K1/24-25
103	23020391	Phạm Bảo Lăng	0		18.607.000			18.607.000	18.607.000	
104	23020738	Phan Hoàng Đức	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000	
105	23020942	Nguyễn Văn Khải	-884.520		16.000.000			15.115.480	15.115.480	
106	23021081	Khương Minh Chiến	6.808.000		17.738.000			24.546.000	6.808.000	Nợ HP GDQP n/h 23-24
107	23021087	Nguyễn Lưu Anh Dũng	0		21.214.000			21.214.000	21.214.000	
108	23021105	Trần Hoàng Giang	0		17.738.000			17.738.000	4.500.000	
109	23021119	Lê Huy Hoàng	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000	

TT	MSV	Họ và tên	Các khoản nợ/thừa các kỳ trước	Học phí kỳ 2/24-25				Tổng HP phải nộp	Chưa nộp tính đến 23/6	Ghi chú (các khoản nợ từ kỳ trước)
				QĐ điều chỉnh số 617	QĐ số 699, 687, 707	QĐ điều chỉnh số 709	QĐ điều chỉnh ngày 12/5			
110	23021135	Đỗ Nguyễn Quốc Khánh	0		16.000.000			16.000.000	6.100.000	
111	23021167	Đặng Nhật Quang	0		17.738.000			17.738.000	17.738.000	
112	23021284	Kiều Lan Hương	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
113	23021292	Nguyễn Duy Khánh	0		28.608.000			28.608.000	28.608.000	
114	23021303	Nguyễn Thành Lộc	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
115	23021385	Bùi Mạnh Dũng	0		1.738.000			1.738.000	1.738.000	
116	23021766	Nguyễn Hoàng Anh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
117	23021786	Nguyễn Thành Duy	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
118	23021916	Vũ Văn Thái	0		27.532.000			27.532.000	27.532.000	
119	24020295	Lê Xuân Sơn	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
120	24020302	Phan Thế Tài	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
121	24020517	Vi Minh Huế	0		14.260.000			14.260.000	14.260.000	
122	24020552	Trần Văn Lâm	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
123	24020879	Trần Duy Long	-1.414.350		20.000.000			18.585.650	18.585.650	
124	24021001	Nguyễn Thị Thùy Linh	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
125	24021200	Nguyễn Đức Thảo	-270.000		16.000.000			15.730.000	15.730.000	
126	24021274	Đoàn Khắc Huân	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
127	24021456	Ngô Thanh Hải	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
128	24021749	Hoàng Anh Dũng	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
129	24022021	Đỗ Hoàng Khắc Đoàn	-5.414.350		16.000.000			10.585.650	10.585.650	
130	24022063	Nguyễn Minh Tiến	-5.414.350		16.000.000			10.585.650	10.585.650	
131	24022579	Phùng Thế Tài	-1.414.350		20.000.000			18.585.650	6.585.650	
132	24022835	Lê Minh Thông	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
133	24022862	Vũ Thanh Dương	0		20.000.000			20.000.000	20.000.000	
134	24022936	Đỗ Văn Tùng Anh	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000	
135	24022966	Nguyễn Anh Đức	0		16.000.000			16.000.000	16.000.000	